

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG.**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 96/2017/DS - ST**

**Ngày: 02-8-2017**

**“V/v tranh chấp giao dịch dân sự, hợp đồng  
dân sự đối với Hợp đồng góp hui”**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông PHẠM HẢI DUY**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông MÃ THANH TRUNG**

**2. Ông TRẦN VĂN HÀI**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **LƯƠNG THẾ VINH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông **TRẦN VĂN QUỐC** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2017/TLST- DS ngày 14 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “ Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **LÊ THỊ T**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn: Bà PHẠM THỊ T, sinh năm 1962.**

**Ông NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1955.**

**Anh NGUYỄN VĂN L, sinh năm 1983.**

**Chị VÕ THỊ N, sinh năm 1988.**

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Lê Thị T, bà Phạm Thị T, anh Nguyễn Văn L có mặt; ông Nguyễn Văn T, chị Võ Thị N vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 14/3/2017 nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:**

Bà làm đầu thảo hui, vợ chồng bà T, ông T cùng vợ chồng anh L, chị N có tham gia các dây hui gồm:

\* Phần hui vợ chồng ông T, bà T tham gia:

*Phần hui tháng:*

- Dây hui 01: Khai ngày 20/6/2015 âm lịch, hui 1.000.000đồng, gồm 21 phần, bà T vô 02 phần, đã hốt lần thứ 01 và 04, đóng hui chết đến thứ 05 thì ngưng, hiện còn nợ 05 kỳ lần hui chết là 10.000.000đồng( đã trừ phần hui chết đã kiện và giải quyết rồi), hui tính từ ngày 14/3/2017 thì 01 kỳ nữa sẽ mãn.

- Dây hui 02: Khai ngày 20/6/2015 âm lịch, hui 1.000.000đồng, gồm 21 phần, bà T vô 03 phần, đã hốt lần thứ 01, 04, 05, đóng hui chết đến thứ 05 thì hốt phần cuối và ngưng đóng hui chết luôn, hiện còn nợ 05 kỳ lần hui chết là 15.000.000đồng( đã trừ phần hui chết đã kiện và giải quyết rồi), hui tính từ ngày 14/3/2017 thì 01 kỳ nữa sẽ mãn.

- Dây hui 03: Khai ngày 25/8/2015 âm lịch, hui 500.000đồng, gồm 21 phần, bà T vô 01 phần, đã hốt lần thứ 01, đóng hui chết đến thứ 03 thì ngưng, hiện còn nợ 05 kỳ lần hui chết là 2.500.000đồng( đã trừ phần hui chết đã kiện và giải quyết rồi), hui tính từ ngày 14/3/2017 thì 03 kỳ nữa sẽ mãn.

*Phần hụi mùa 03 tháng khui 01 lần*

- Dây hụi 01: Khui ngày 30/12/2013 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, gồm 16 phần, bà T vô 01 phần, đã hốt lần thứ 02 , đóng hụi chết đến thứ 08 thì ngưng, hiện còn nợ 02 kỳ lần hụi chết là 10.000.000đồng( đã trừ phần hụi chết đã kiện và giải quyết rồi), hụi tính từ ngày 14/3/2017 thì 03 kỳ nữa sẽ mãn.

- Dây hụi 02: Khui ngày 30/12/2013 âm lịch, hụi 2.000.000đồng, gồm 17 phần, bà T vô 01 phần, đã hốt lần thứ 02 , đóng hụi chết đến thứ 08 thì ngưng, hiện còn nợ 02 kỳ lần hụi chết là 4.000.000đồng( đã trừ phần hụi chết đã kiện và giải quyết rồi), hụi tính từ ngày 14/3/2017 thì 04 kỳ nữa sẽ mãn.

- Dây hụi 03: Khui ngày 20/4/2014 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, gồm 12 phần, bà T vô 01 phần, đã hốt lần thứ 03 , đóng hụi chết đến thứ 06 thì ngưng, hiện còn nợ 02 kỳ lần hụi chết là 10.000.000đồng( đã trừ phần hụi chết đã kiện và giải quyết rồi), dây hụi đã mãn vào ngày 20/01/2017 âm lịch.

Việc chơi hụi giữa tôi với bà T, ông T cũng biết, khi tôi giao tiền hụi ông T cũng có ký tên vào biên nhận tiền hụi ngày 30/4/2014 đồng thời trong giấy hụi tôi cũng ghi là 2 Tất ( tên của ông T). Do đó tôi yêu cầu ông T, bà T trả 52.000.000đồng tiền nợ hụi làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Việc vợ chồng L khai có nhờ bà T chơi dùm 02 phần hụi tháng khui ngày 20/6/2015 âm lịch là tôi không biết vì trong giấy hụi tôi đều ghi là 2 Tất và việc đóng cũng như nhận tiền hụi đều do bà T thực hiện.

\* Phần hụi vợ chồng anh L, chị N tham gia:

- Dây hụi khui ngày 30/12/2013 âm lịch, hụi mùa 2.000.000đồng, gồm 17 phần, vợ chồng L vô 01 phần, đã hốt lần thứ 03, đóng hụi chết đến thứ 08 thì ngưng, hiện còn nợ 02 kỳ lần hụi chết là 4.000.000đồng( đã trừ phần hụi chết đã kiện và giải quyết rồi), hụi tính ngày 14/3/2017 thì 04 kỳ nữa sẽ mãn.

Trong giấy danh sách hụi viên thì dây hụi này tôi ghi 02 Tất vô 02 phần nhưng thực là bà T 01 phần, vợ chồng L 01 phần. Khi hốt hụi tôi cũng giao tiền

cho vợ chồng L và làm biên nhận với tôi. Nay yêu vợ chồng L trả 4.000.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**Bị đơn là bà Phạm Thị T trình bày:**

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Tại phiên Tòa, bà Phạm Thị T thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị T làm đầu thảo. Nay bà T cũng đồng ý trả cho bà Lê Thị T số tiền hụi còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T là 51.500.000đ nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà T xin đợi đến khi nào bán được đất thì sẽ trả số nợ trên cho bà Lê Thị T.

**Bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:**

Anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị N là vợ chồng. Tại phiên Tòa, anh Nguyễn Văn L thừa nhận vợ chồng anh có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị T làm đầu thảo. Nay vợ chồng anh L và chị N cũng đồng ý trả cho bà Lê Thị T số tiền hụi còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T là 4.000.000đ nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh L xin đợi đến khi nào cha mẹ anh bán được đất thì sẽ trả số nợ trên cho bà Lê Thị T.

Ngoài ra, anh Nguyễn Văn L có khai rằng, vợ chồng anh còn tham gia 02 dây hụi khác cũng do bà Lê Thị T làm đầu thảo. Cả hai dây hụi này bà T kiện ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T chứ không kiện đòi vợ chồng anh L và chị N.

**Bị đơn là ông Nguyễn Văn T và chị Võ Thị N cùng vắng mặt.**

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phát biểu:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T là có căn cứ để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê

Thị T: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị T phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền hui đến hạn là 51.500.000đ; Buộc anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị N phải thanh toán số tiền hui đến hạn là 4.000.000đ. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết tiền án phí DSST đúng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn là ông Nguyễn Văn T và chị Võ Thị N vắng mặt. Xét thấy, bị đơn là ông Nguyễn Văn T và chị Võ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn là ông Nguyễn Văn T và chị Võ Thị N không có yêu cầu phản tố. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T và chị Võ Thị N là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

**[2] Về chứng cứ trong vụ án:** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 67/2016/QĐST-DS ngày 16/8/2016 và Bản án số 07/2017/DSST ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang để làm cơ sở xác định các bị đơn có tham gia góp hui do nguyên đơn làm đầu thảo và còn nợ nguyên đơn số tiền hui chết đến hạn chưa đóng. Xét thấy, đây là những chứng cứ thuộc trường hợp “những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật” theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Như vậy giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hui với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Cho nên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét các chứng cứ nêu trên trong quá trình tranh tụng và nghị án.

**[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:** Xét thấy, các bị đơn đã có trực tiếp tham gia những dây hui do nguyên đơn làm đầu thảo, đồng thời các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn góp hui, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi ông Nguyễn Văn T và bà

Phạm Thị T phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền hui đến hạn là 51.500.000đ; yêu cầu anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị N phải thanh toán số tiền hui đến hạn là 4.000.000đ là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với lời trình bày của các bị đơn có mặt tại phiên Tòa do các bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra để xem xét.

**[6] Về án phí DSST:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 357 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hui, biêu, phường.

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

**[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T.**

+ Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị T trả cho bà Lê Thị T 51.500.000đ (năm mươi một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền nợ hui.

+ Buộc anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị N trả cho bà Lê Thị T **4.000.000đ (bốn triệu đồng)** tiền nợ hui.

**[2] Về án phí, chi phí tố tụng:**

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.387.500đ (một triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng)** theo biên lai thu số 06534 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị T phải cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **2.575.000đ (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)**.

Anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị N phải cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)**.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.*

*Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**PHẠM HẢI DUY**